



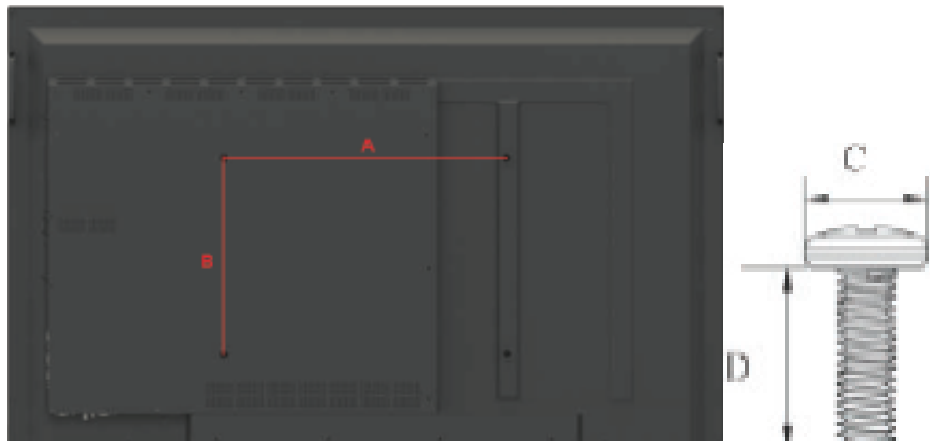
## 1. Những phụ kiện kèm theo màn hình tương tác

- Cáp nguồn
- Cáp VGA
- Pin AAA: 02 viên
- Dây tín hiệu âm thanh
- Cáp USB
- Bút: 02 cái
- Cáp AV
- Đĩa CD hướng dẫn sử dụng



### Bộ chi tiết lắp đặt lên tường (VESA)

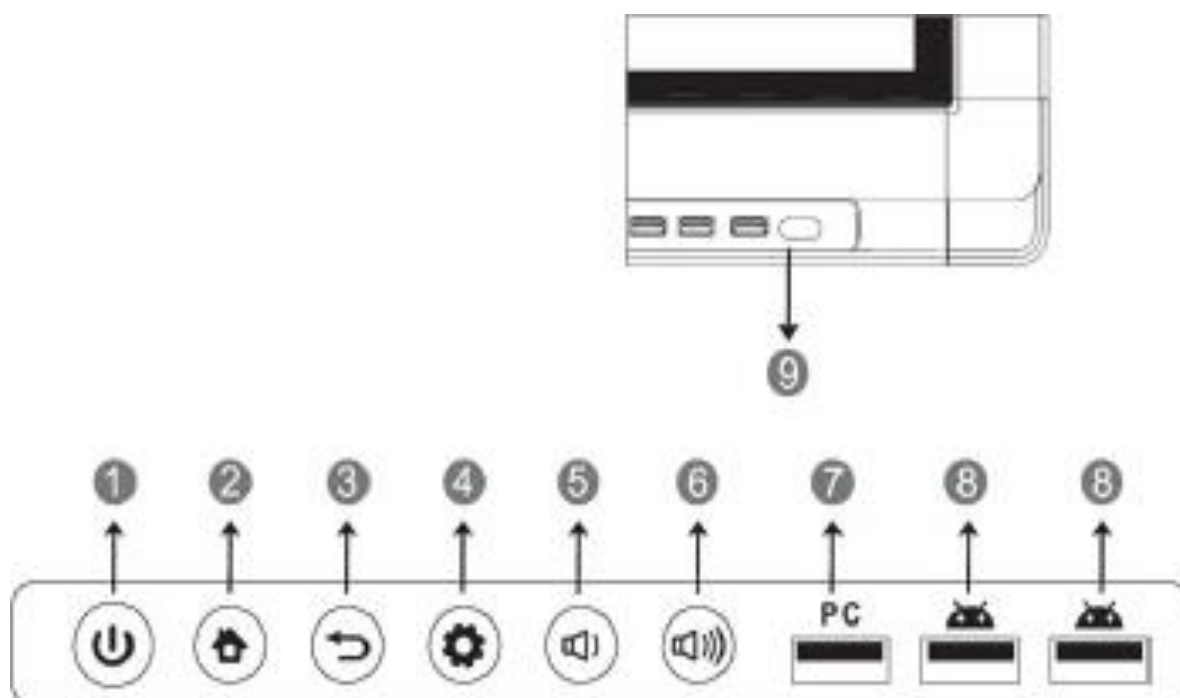
Xin hãy làm theo những hướng dẫn lắp đặt trên tường để lắp đặt bảng tương tác lên tường hoặc lắp lên giá di động.



Kích thước màn hình (inch)	VESA A x B	Vít tiêu chuẩn (C x D)	Số lượng
55	400 x 400 mm	M8 x 25 mm	4
65	600 x 400 mm	M8 x 25 mm	4
70	600 x 400 mm	M8 x 25 mm	4
75	600 x 400 mm	M8 x 25 mm	4
84	600 x 400 mm	M8 x 25 mm	4

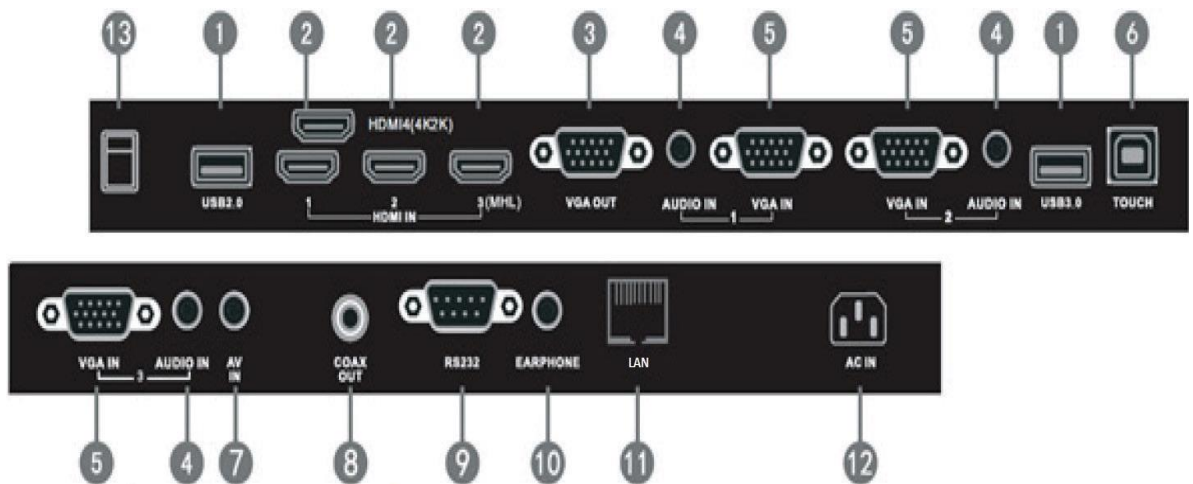
## 2. Những đặc tính của bảng tương tác thông minh

### 2.1. Tổng quan về bảng điều khiển



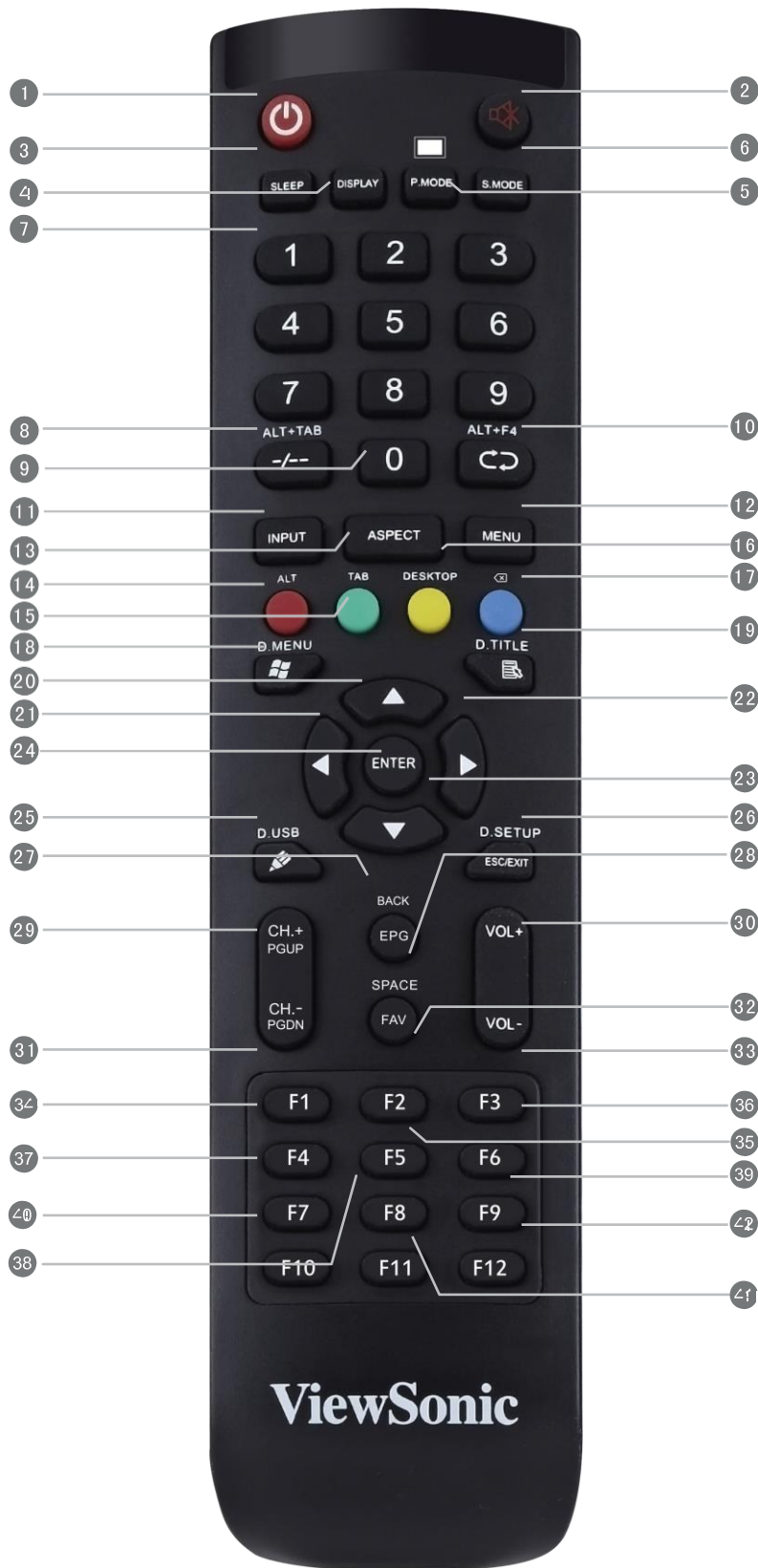
Mục	Mô tả
1	Nhấn nút để bật thiết bị Nhấn nút để bật/tắt màn hình Nhấn và giữ nút để tắt thiết bị
2	Trở về giao diện chính Embd Player
3	Trở về vị trí Embd Player trước đó
4	Gọi lên menu chức năng
5	Giảm âm lượng
6	Tăng âm lượng
7	Cổng USB máy tính nội bộ
8	Cổng USB hiển thị cho Embd Player
9	Nhận tín hiệu từ điều khiển từ xa

## 2.2. Giao diện mặt sau



Mục	Mô tả
1	Giao diện USB, kết nối thiết bị USB như là một ổ cứng di động, bàn phím và chuột USB, USB điều khiển, ...
2	Giao diện đa phương tiện độ nét cao (HDMI), HDMI 3 có thể nhận được chức năng MHL (Mobile High-Definition Link), HDMI4 (áp dụng cho mode CDE8452T) có thể nhận được 4Kx2K
3	Cổng VGA: Kết nối với các thiết bị hiển thị, với chức năng đầu vào VGA
4	Kết nối các thiết bị với nguồn âm thanh bên ngoài
5	Kết nối thiết bị với nguồn video bên ngoài
6	Đầu vào tín hiệu cảm ứng, điều khiển một máy tính bên ngoài với driver đã được cài đặt (có sẵn thông qua PC, VGA và các nguồn HDMI)
7	Cổng vào Audio – Video kết hợp
8	Cổng ra cáp đồng trục
9	Giao diện cổng nối tiếp
10	Kết nối thiết bị tới tai nghe hoặc loa
11	Chuẩn RJ45 (10M/100M/1G) giao diện kết nối internet (cổng mạng này chỉ sử dụng cho Embd Player)
12	Đầu vào nguồn AC
13	Công tắc bật/tắt nguồn

## 2.3. Điều khiển từ xa



① : ON/OFF: Ấn để bật/tắt (chế độ chờ), hoặc ấn giữ trong 5 giây để tắt

② : MUTE/UNMUTE : Tắt/bật âm thanh

③ SLEEP: Chế độ nghỉ (thiết lập chức năng thời gian nghỉ)

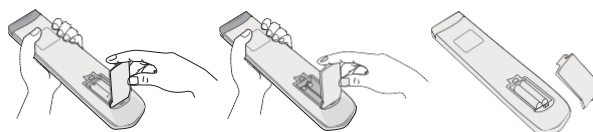
- ④ DISPLAY: Hiển thị thông tin của các nguồn đầu vào hiện tại
- ⑤ P.MODE: Màn hình trống
- ⑥ S.MODE: Màn hình đóng băng
- ⑦ NUMERIC BUTTON: Nút nhập số
- ⑧ ALT+TAB: Nhấn để chuyển đổi giữa các ứng dụng máy tính
- ⑨ : Nút nhập số
- ⑩ ↻, ALT+F: Thoát ứng dụng Window hiện tại
- ⑪ INPUT : Nút lựa chọn nguồn vào
- ⑫ MENU: Ấn để hiện Menu
- ⑬ RESET+ASPECT: Điều chỉnh tỷ lệ của nguồn PC, HDMI và VGA
- ⑭ RED+ALT: Chụp màn hình
- ⑮ GREEN+TAB: Nút PC ‘TAB’
- ⑯ YELLOW+DESKTOP: Chuyển sang màn hình máy tính
- ⑰ BLUE+BACKSPACE: Nút xóa “BACKSPACE” của PC
- ⑱ 🏠, D.MENU: Nút “Windows” của PC
- ⑲ ☰, D.TITLE: Nút “Menu” của PC
- ⑳ ⬆️: Ấn để cuộn lên
- ㉑ ⬅️: Ấn để cuộn sang bên trái
- ㉒ ➡️: Ấn để cuộn sang bên phải
- ㉓ ⬇️: Ấn để cuộn xuống
- ㉔ ENTER: Nút Enter, ấn để vào lựa chọn

- 25 ✎. D.USB: Khởi động phần mềm viết
- 26 ▲ESC/EXIT, D.SETUP: Nút tắt để thoát khỏi hộp thoại
- 27 EPG: Quay lại
- 28 FAV, SPACE: Phím “cách – space” trên PC
- 29 CH+, CH-: Trang trước và trang kế tiếp trên PC
- 30 VOL+, VOL-: Tăng, giảm âm lượng
- 31 ÷ 42: Tương ứng các phím chức năng từ F1 đến F12 trên bàn phím PC

## 2.4. Lắp pin cho điều khiển từ xa

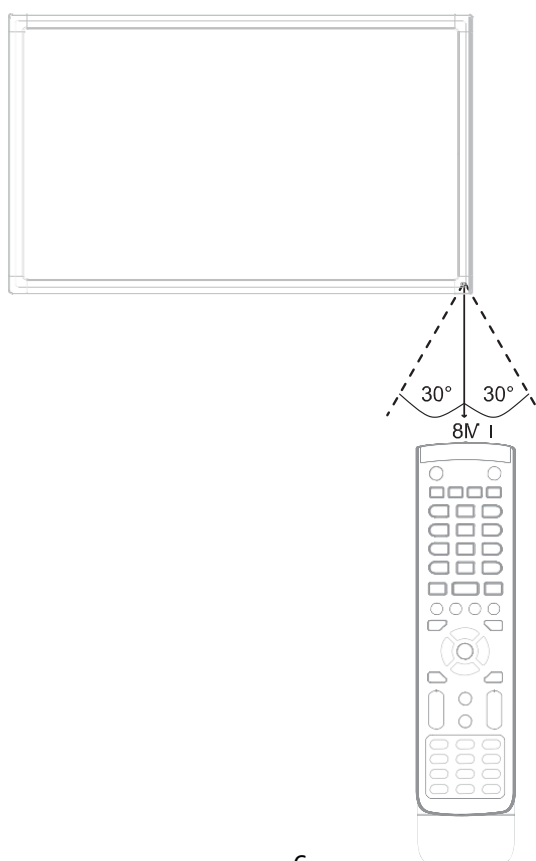
Pin sử dụng cho điều khiển từ xa: Loại AAA, số lượng: 02 viên.

Cách lắp/tháo pin: Xin xem hình



## 2.5. Phạm vi nhận điều khiển từ xa

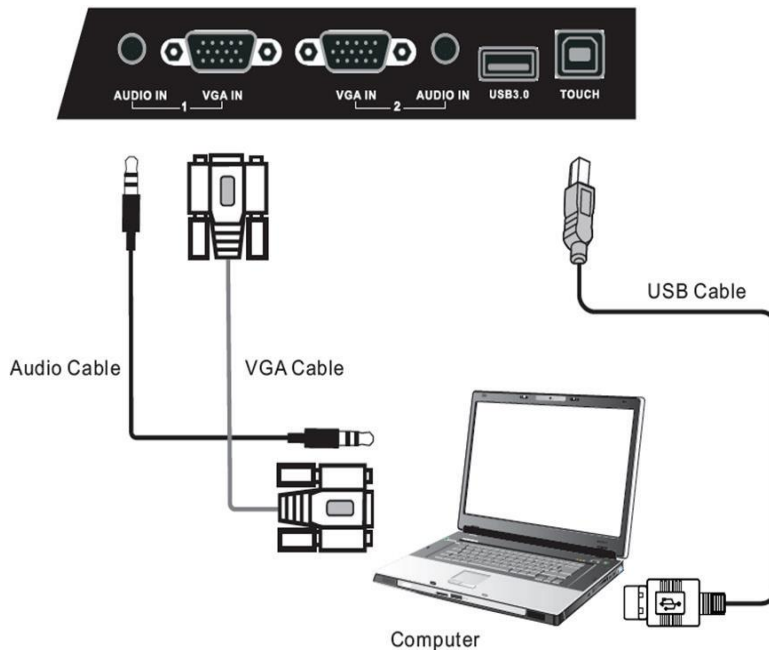
Phạm vi làm việc của điều khiển từ xa được thể hiện theo hình dưới. Nó có tác dụng trong phạm vi 8m. Đảm bảo rằng không có cản trở tín hiệu nào từ điều khiển từ xa tới điểm tiếp nhận tín hiệu trên màn hình tương tác.



### 3. Thiết lập màn hình của bạn

**Lưu ý:** Vì sự an toàn của bạn và thiết bị, không kết nối với một nguồn cấp điện trước khi các thiết bị bên ngoài được chuẩn bị.

#### 3.1. Kết nối với một máy vi tính bên ngoài



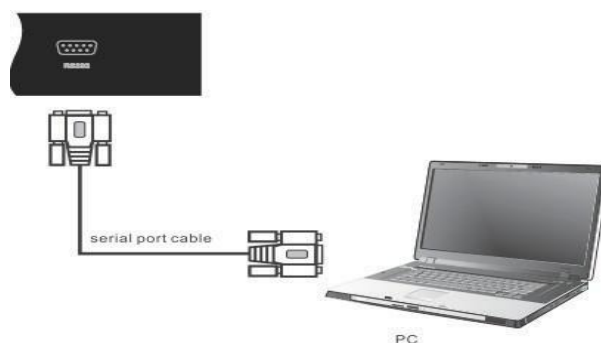
1. Để hiển thị video và âm thanh từ một máy tính bên ngoài thực hiện theo các hướng dẫn dưới đây.

**Ghi chú:** Máy tính bên ngoài cũng có thể được kết nối với màn hình hiển thị qua cáp HDMI

- Kết nối một cáp VGA (15-pin) từ máy tính bên ngoài của bạn tới cổng vào VGA (VGA) trên màn hình hiển thị.
  - Kết nối một cáp Audio từ từ cổng ra Audio (AUDIO OUT) trên máy tính bên ngoài tới cổng vào Audio (AUDIO IN) trên màn hình hiển thị.
2. Kết nối một cáp USB tới máy tính bên ngoài từ cổng TOUCH OUT của màn hình hiển thị.

**Ghi chú:** Để có kết quả tối ưu, chọn độ phân giải 1920x1080p như đầu vào các máy tính bên ngoài.

### 3.2. Kết nối RS232

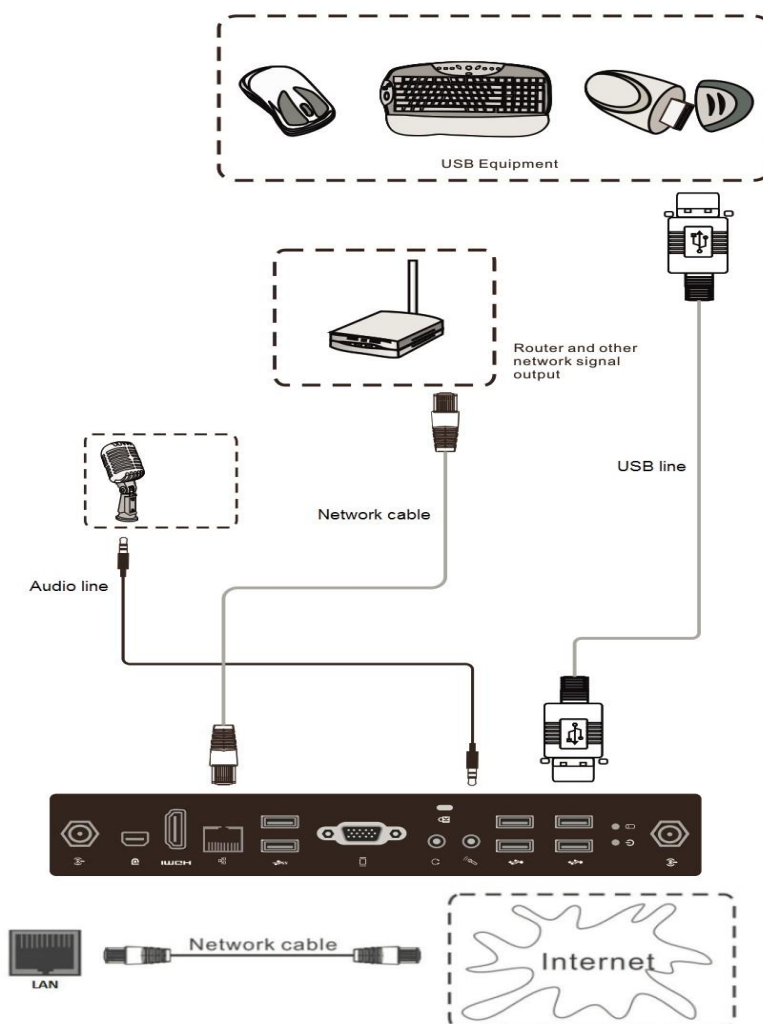


Khi bạn sử dụng một cáp chuyển tiếp RS232 để kết nối màn hình hiển thị của bạn tới một máy tính bên ngoài, những chức năng cố định có thể được điều khiển bởi máy vi tính, bao gồm cả bật/tắt nguồn điện, điều chỉnh âm lượng và nhiều hơn thế.

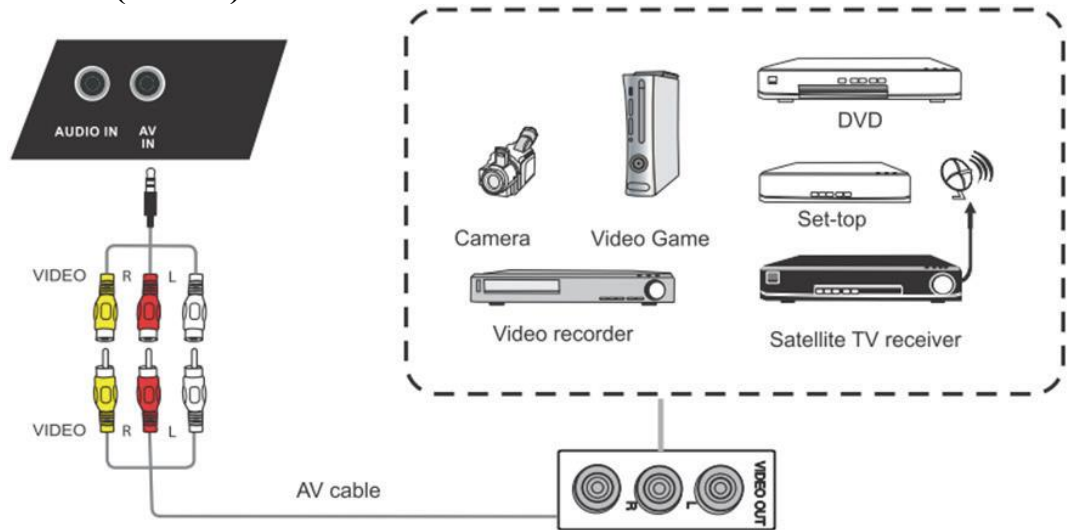
### 3.3. Kết nối thiết bị ngoại vi USB


Cũng giống như một máy tính thông thường khác, nó rất dễ dàng để kết nối các USB khác nhau và các thiết bị ngoại vi với bảng tương tác thông minh của bạn.

1. USB ngoại vi: Cắm cáp USB vào cổng vào (USB IN port).
2. Cáp mạng và Modem: Cắm cáp vào cổng vào mạng LAN (LAN IN)
3. Microphone: Cắm cáp Microphone vào cổng Mic.

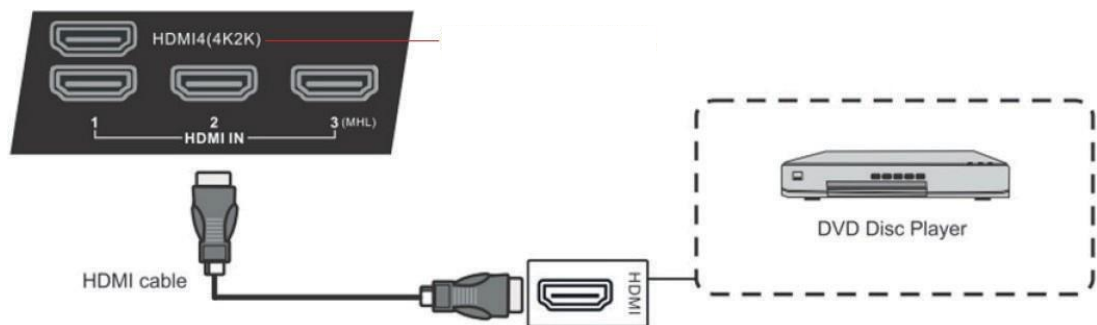



### 3.4. Kết nối AV (AV IN)



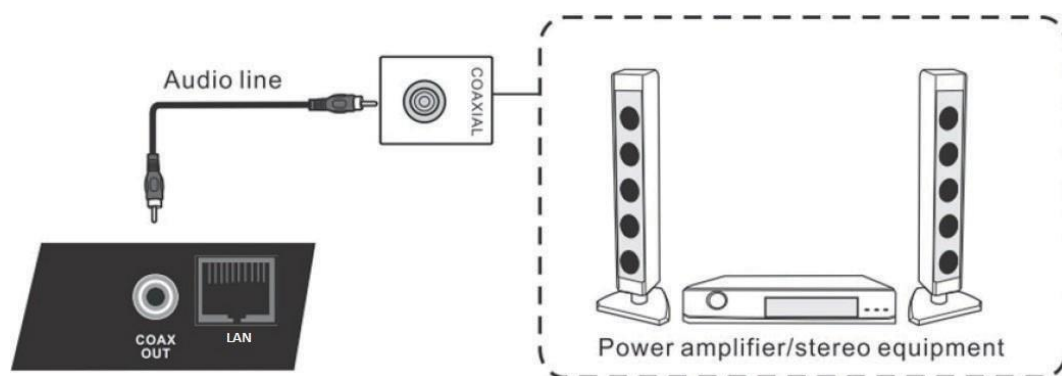
1. Kết nối một cáp 3 màu từ cổng vào AV (AV IN) trên màn hình của bạn tới cổng ra AV (AV OUT) của thiết bị ngoại vi (Cáp AV: Màu vàng là video, Màu đỏ là Audio phải, Màu trắng là Audio trái).
2. Cắm dây điện, và bật công tắc cung cấp điện ở phía sau màn hình.
3. Bấm nút nguồn  ở phía phải của màn hình để bật màn hình.
4. Bấm nút INPUT để chuyển sang nguồn “AV”.


### 3.5. Kết nối HDMI



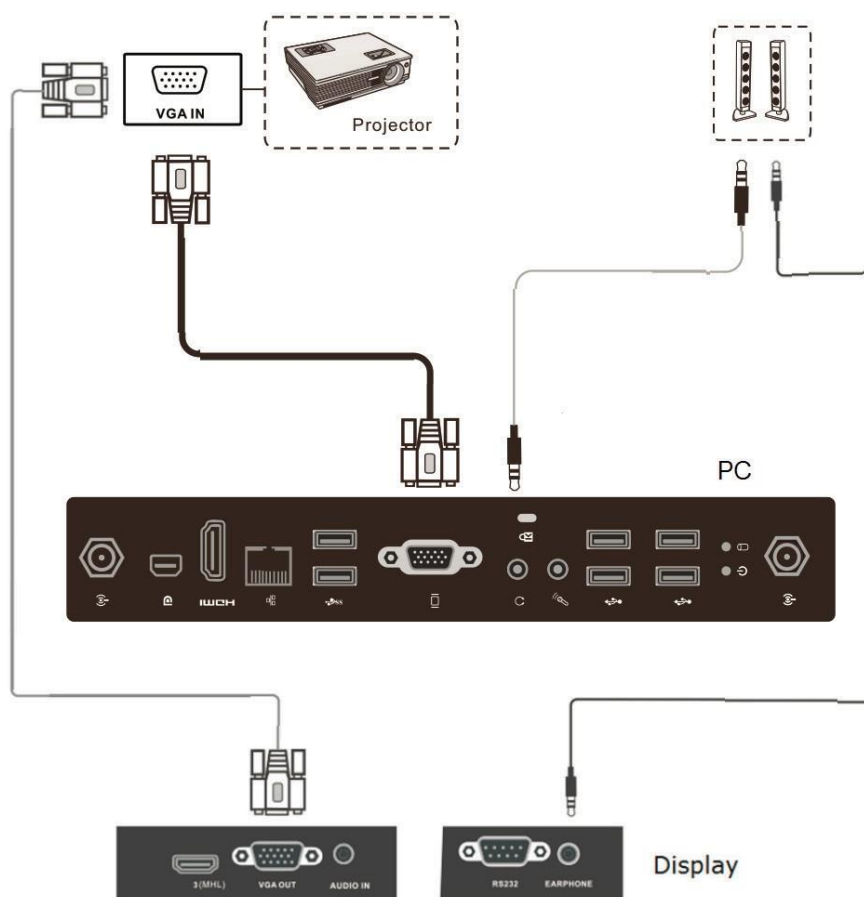
1. Kết nối cáp HDMI tới cổng HDMI trên màn hình của bạn và các thiết bị ngoại vi.
2. Cắm dây điện, và bật công tắc cung cấp điện ở phía sau màn hình.
3. Bấm nút nguồn  ở phía phải của màn hình để bật màn hình.
4. Bấm nút INPUT để chuyển sang nguồn “HDMI”

### 3.6. Kết nối cổng đồng trục




1. Kết nối một cáp đồng trục từ cổng ra tín hiệu DIGITAL OUT tới cổng cáp đồng trục của hệ thống.
2. Cắm dây điện, và bật công tắc cung cấp điện ở phía sau màn hình.
3. Bấm nút nguồn  ở phía phải của màn hình để bật màn hình.

### 3.7. Kết nối VGA



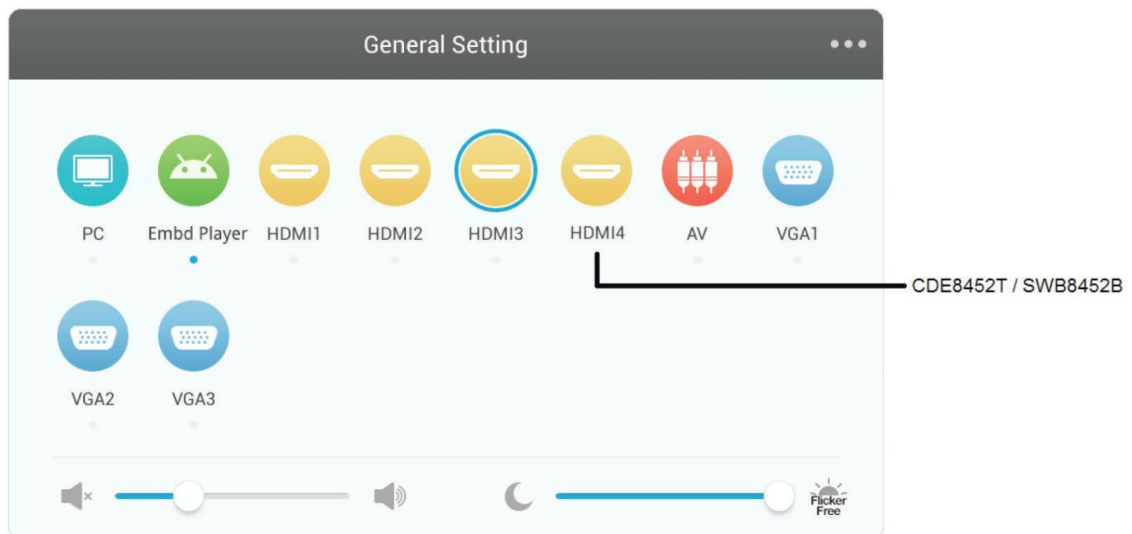
1. Để đầu ra video và âm thanh vào một thiết bị bên ngoài thông qua kết nối VGA:
  - Kết nối một cáp VGA (15-pin) từ cổng ra (VGA OUT) của màn hình hiển thị tới cổng vào của một máy chiếu hoặc thiết bị khác.

- Kết nối một cáp Audio từ cổng ra Audio (AUDIO OUT) trên màn hình hiển thị của bạn tới cổng vào hệ thống âm thanh của bạn.
2. Cắm dây điện, và bật công tắc cung cấp điện ở phía sau màn hình.
  3. Bấm nút nguồn  ở phía phải của màn hình để bật màn hình.
  4. Bấm nút INPUT để chuyển sang nguồn “PC”
  5. Thiết lập VGA OUT hoặc cài đặt Multiscreen trên màn hình hiển thị thông minh của bạn.

**Ghi chú:** Chức năng VGA OUT chỉ có xuất hình ảnh từ màn hình thông minh.

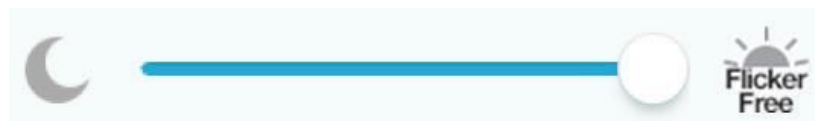
## 4. Vận hành menu OSD (On Screen Display)

### 4.1. Cài đặt chung



#### Để lựa chọn một nguồn vào:

1. Bấm nút INPUT trên điều khiển từ xa để hiển thị menu cài đặt chung, sau đó ấn DOWN để chọn menu nguồn vào.
2. Bấm DOWN/UP/LEFT/RIGHT để lựa chọn nguồn vào bạn muốn.
3. Bấm nút ENTER trên điều khiển từ xa hoặc nhấp bằng bút cảm ứng để chọn nguồn vào.
4. Bấm phím EXIT trên điều khiển từ xa hoặc nhấp vào khoảng trống bên ngoài menu với bút cảm ứng để thoát menu trên màn hình.



#### Để điều chỉnh độ sáng:

1. Bấm nút INPUT trên điều khiển từ xa để hiển thị menu cài đặt chung.
2. Kéo trực tiếp biểu tượng với bút cảm ứng để điều chỉnh giá trị.

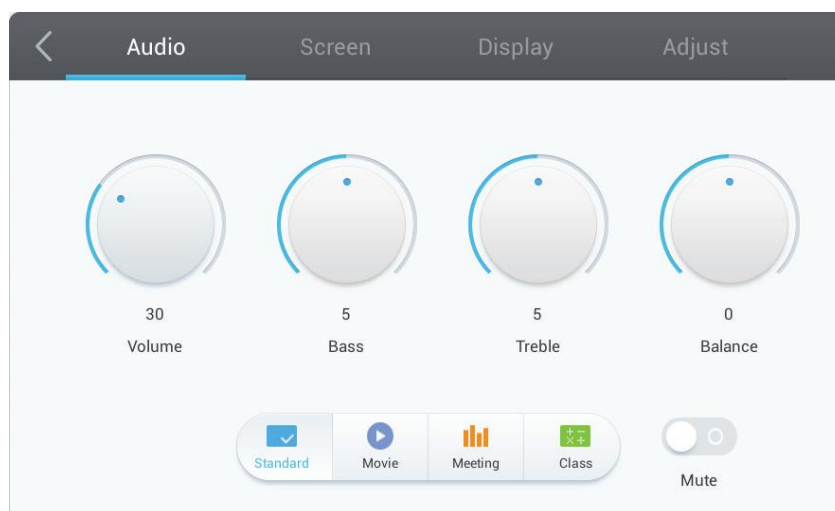
3. Bấm phím EXIT trên điều khiển từ xa hoặc nhấp vào khoảng trống bên ngoài menu với bút cảm ứng để thoát menu trên màn hình.




### Để điều chỉnh âm lượng:

1. Bấm nút INPUT trên điều khiển từ xa để hiển thị menu cài đặt chung.
2. Kéo biểu tượng trực tiếp với bút cảm ứng để điều chỉnh giá trị.
3. Bấm nút “Mute” trên điều khiển từ xa hoặc nhấp trực tiếp vào biểu tượng “Mute” với bút cảm ứng bật hoặc tắt chức năng “Mute”.
4. Bấm phím EXIT trên điều khiển từ xa hoặc nhấp vào khoảng trống bên ngoài menu với bút cảm ứng để thoát menu trên màn hình.

### 4.2. Các cài đặt OSD khác

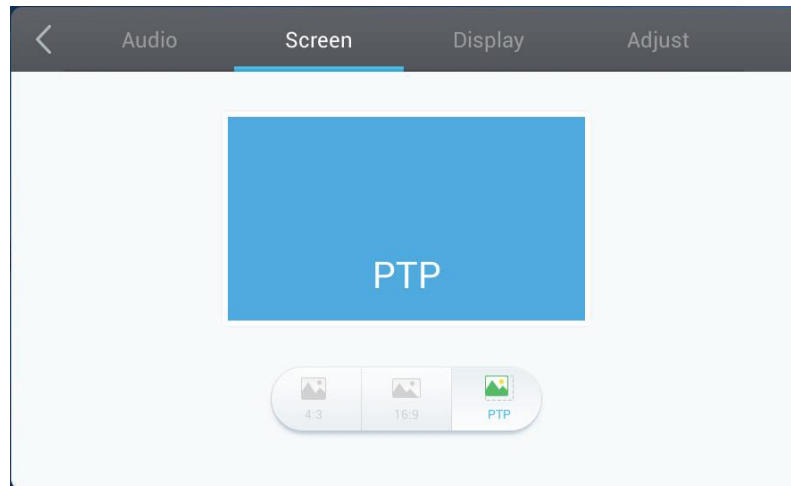


1. Bấm nút INPUT trên điều khiển từ xa để hiển thị menu cài đặt chung.
2. Nhấp biểu tượng  để lựa chọn cài đặt nhiều hơn.

### Cài đặt Audio



1. Xoay trực tiếp volume, bass, treble và balance với bút cảm ứng để điều chỉnh giá trị. Hoặc bấm DOWN/UP/LEFT/RIGHT để lựa chọn biểu tượng sau đó bấm VOL+/VOL- để điều chỉnh giá trị.
2. Nhấp trực tiếp biểu tượng Standard, Bass, Treble và Balance để thay đổi hiệu suất âm thanh.
3. Nhấp trực tiếp biểu tượng Mute để bật/tắt chức năng mute.

## Cài đặt màn hình

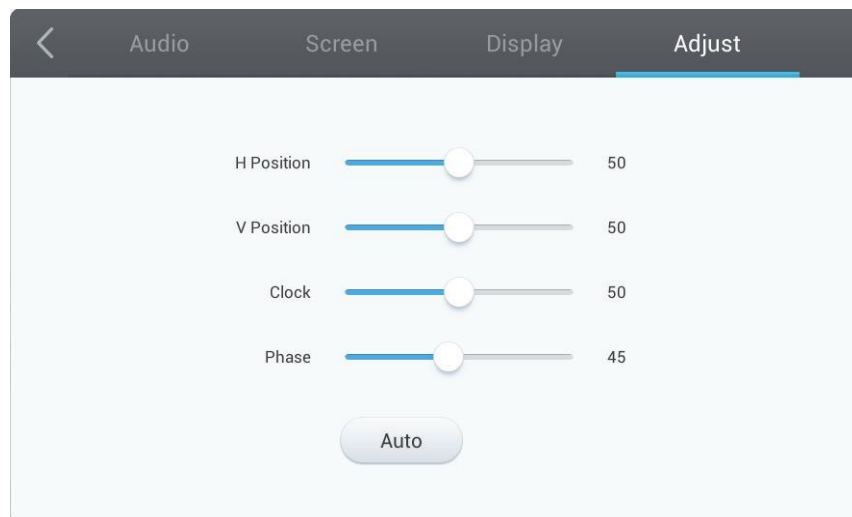


1. Nhấp trực tiếp biểu tượng Auto để điều chỉnh tự động.
2. Nhấp trực tiếp biểu tượng 4:3 và 16:9 để thay đổi tỷ lệ.

## Cài đặt hiển thị

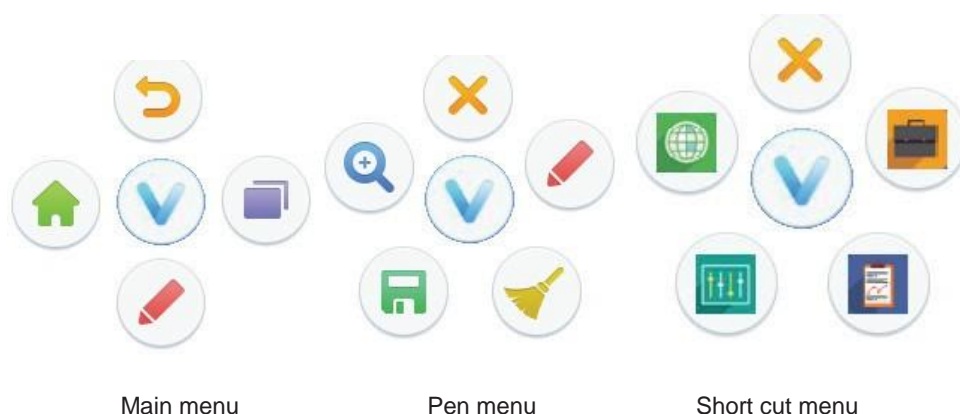
1. Xoay trực tiếp biểu tượng Brightness, Contrast, Hue and Sharpness với bút cảm ứng để điều chỉnh giá trị. Hoặc bấm DOWN/UP/LEFT/RIGHT để lựa chọn biểu tượng sau đó bấm VOL+/VOL- để điều chỉnh giá trị.
2. Nhấp trực tiếp các biểu tượng Warm, Standard và Cold để thay đổi kết quả hiển thị.
3. Nhấp trực tiếp biểu tượng   với bút cảm ứng để điều chỉnh giá trị ánh sáng xanh.

## Điều chỉnh cài đặt
















1. Kéo trực tiếp biểu tượng với bút cảm ứng để điều chỉnh giá trị
2. Nhấp trực tiếp biểu tượng Auto để điều chỉnh tự động.

### 4.3. Menu chú thích

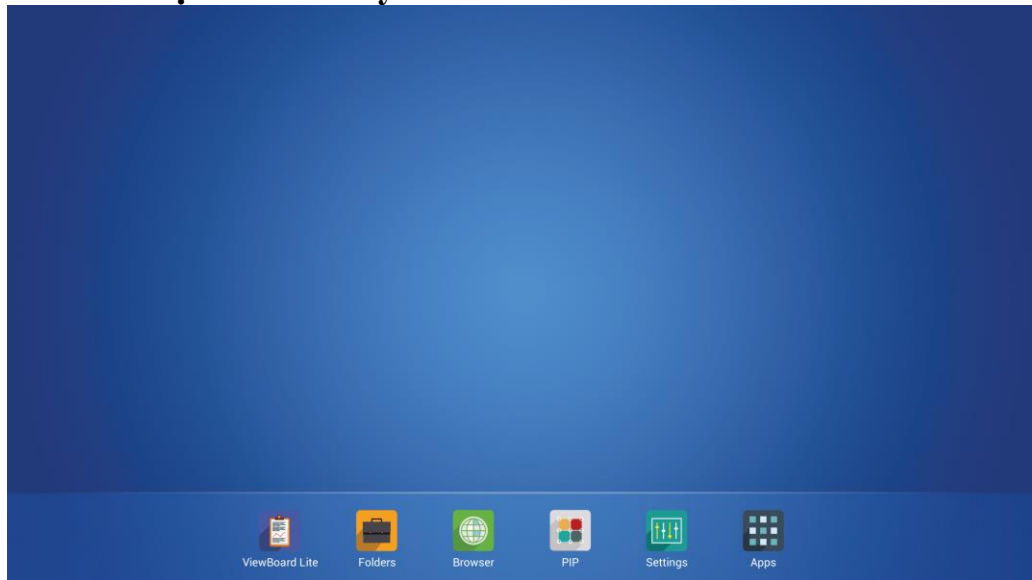


Với bất kỳ một nguồn đầu vào nào, đặt 2 ngón tay lên màn hình (với khoảng cách khảng 20 ~ 50 mm) và giữ lại hơn 2 giây để gọi Menu chú thích lên. Người dùng cũng có thể chỉ sử dụng bút cảm ứng để thực hiện thao tác này.

Mục	Mô tả
 Annotation menu	Pop up sub-menu/ <b>Bật lên trình đơn phụ</b>
 Return	Click to return to previous operation interface/ <b>Nhấp để quay lại giao diện hoạt động trước đó.</b>
 Main/Chính	Click to return to main interface of Embd Player/ <b>Nhấp để quay lại giao diện chính của Embd Palyer</b>
 Pen/ <b>Bút cảm ứng</b>	Pop up Pen menu/ <b>Bật lên trình đơn bút cảm ứng</b> Click to make annotation in the picture, click again to change color. <b>Nhấp vào để tạo chú thích trong hình, nhấp lại để thay đổi màu sắc</b>
 Short cut/ <b>Lối tắt</b>	Pop up Short cut menu/ <b>Bật lên Menu lối tắt</b>
 Zoom in/out/ <b>Phóng to/thu nhỏ</b>	Click to adjust Zoon in/out/ <b>Nhấp để điều chỉnh phóng to hoặc thu nhỏ.</b>
 Screen capture/ <b>Chụp màn hình</b>	Click to screenshot the current image, CDE8452T/SWB8452B 4K2K sources (PC and HDMI 4) do not support. Storage location: /Storage/Notes/Mark/ <b>Nhấp để chụp màn hình những hình ảnh hiện tại, không hỗ trợ model, nguồn CDE8452T / SWB8452B 4K2K (Máy tính và HDMI 4). Vị trí lưu: Storage/Notes/Mark</b>
 Clean/ <b>Xóa</b>	Click to clean all the annotation/ <b>Nhấp vào để xóa tất cả các chú thích</b>
 ViewBoard Lite	Click to enter ViewBoard Lite software. Storage location: resource browse/blackboard writing./ <b>Nhấp vào đây để vào phần mềm ViewwBoard Lite. Vị trí lưu trữ: Nguồn duyệt/Viết bảng đen.</b>

 Folders/Thư mục	Click to open resources browse menu./ <b>Nhấp để mở trình đơn nguồn duyệt.</b>
 Browser/Trình duyệt	Click to open web page./ <b>Nhấp để mở trang web</b>
 Settings/Cài đặt	Click to open settings menu./ <b>Nhấp để mở trình đơn cài đặt</b>
 Close/Thoát	Click to close annotation menu./ <b>Nhấp để thoát trình đơn chú thích</b>

#### 4.4. Giao diện Embd Player



Đổi nguồn Embd Player để hiển thị giao diện chính như trên. Bấm phím LEFT/RIGHT trên điều khiển từ xa để lựa chọn biểu tượng bên dưới, và ấn phím Enter để vào chương trình tương ứng, hoặc nhấp trực tiếp biểu tượng với bút cảm ứng để vào chương trình. Trong bất kỳ chương trình nào, nhấn phím HOME trên bảng điều khiển phía trước của màn hình để quay về giao diện chính.

**ViewBoard Lite:** Vào phần mềm ViewBorad Lite.

**Folder:** Vào nguồn duyệt Embd Player.

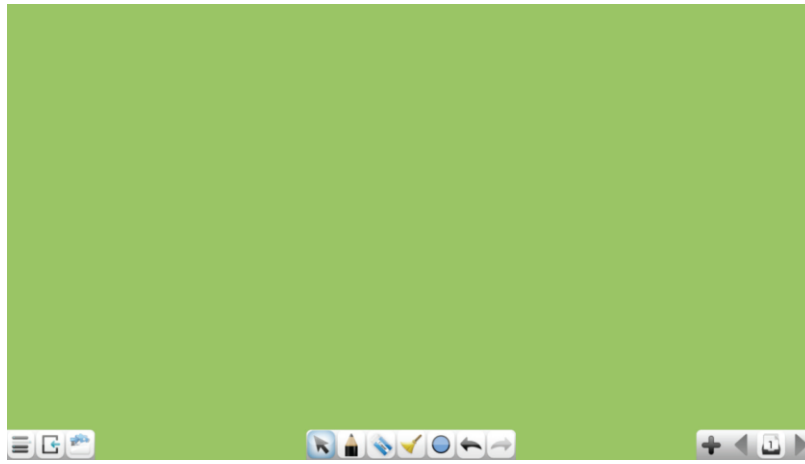
**Brower:** Vào trang internet.















**PIP:** Nhập hình ảnh picture-in-picture.

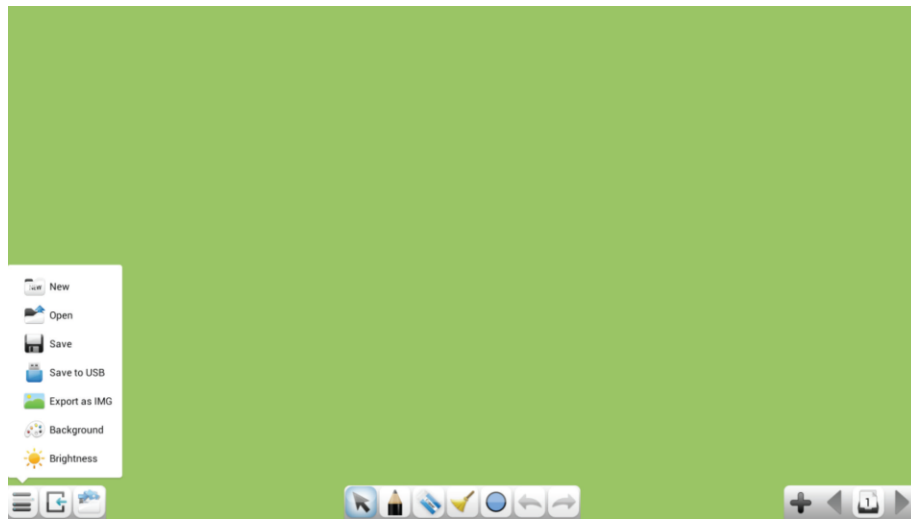
**Settings:** Vào thiết lập trang trình đơn.








**Apps:** Vào trang quản lý ứng dụng Embd Player.

#### ViewBoard Lite

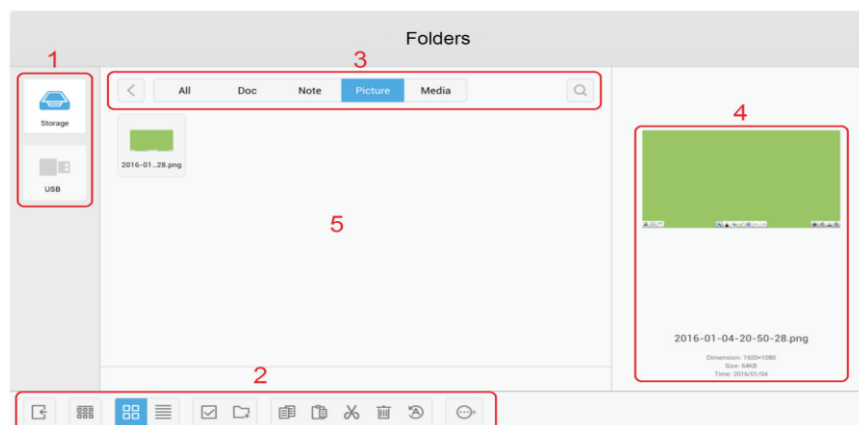


Mục	Mô tả
 Menu/Trình đơn	Click to pop up sub-menu./ <b>Nhấp để bật lên trình đơn phụ</b>
 Exit/Thoát	Click to exit ViewBoard Lite./ <b>Nhấp để thoát ứng dụng ViewBoard Lite</b>
 Folders/Thư mục	Click to open resources browse menu./ <b>Nhấp để mở nguồn duyệt trình đơn</b>
 Select/Lựa chọn	Click to select symbols./ <b>Nhấp để lựa chọn các biểu tượng</b>
 Pen/Bút cảm ứng	Click to write or press and hold for three seconds to set type, color and thickness./ <b>Nhấp để viết hoặc ấn và giữ trong 3 giây để thiết lập loại, màu sắc và độ dày.</b>
 Eraser/Xóa	Click to erase symbols./ <b>Nhấp để xóa các biểu tượng</b>
 Clean/Làm sạch	Click to clean all the elements./ <b>Nhấp để xóa tất các phần tử</b>
 Graphic/Đồ họa	Click to create or press and hold for three seconds to set type, color and thickness./ <b>Nhấp để tạo hoặc ấn và giữ 3 giây để thiết lập loại, màu sắc và độ dày.</b>
 Cancel/Thoát	Click to cancel previous step operation./ <b>Nhấp để thoát bước hoạt động trước đó</b>
 Restore/Khôi phục	Click to restore cancelled operation./ <b>Nhấp để khôi phục hoạt động đã bị hủy</b>
 Add page/Thêm trang	Click to add a new page./ <b>Nhấp để thêm trang mới</b>
 Previous/Mục trước	Click to previous page./ <b>Nhấp để quay lại trang trước</b>
 Page/Trang	Display page number./ <b>Hiển thị số trang</b>
 Next/Mục kế tiếp	Click to next page./ <b>Nhấp để sang trang kế tiếp</b>















Mục	Mô tả
 New	Click to create a new document./ <b>Nhấp để tạo một tài liệu mới</b>
 Open	Click to open an “enb” format document./ <b>Nhấp để mở một tài liệu định dạng “enb”</b>
 Save	Click to save current content as “enb” format to internal storage./ <b>Nhấp để lưu nội dung hiện tại với định dạng “Enb” vào ổ nhớ nội bộ</b>
 Save to USB	Click to save current content as “enb” format to USB drive./ <b>Nhấp vào để lưu nội dung hiện tại với định dạng “Enb” vào ổ nhớ USB</b>
 Export as IMG	Click to save current content as image format to internal storage./ <b>Nhấp để lưu nội dung hiện tại với định dạng ảnh vào ổ nhớ nội bộ</b>
 Background	Click to change the background color./ <b>Nhấp để thay đổi màu nền</b>
 Brightness	Click to enable/disable auto brightness./ <b>Nhấp vào để kích hoạt/bỏ kích hoạt chế độ sáng tự động</b>

## Thư mục



- Hiện thị thiết bị lưu trữ:** Nhấp với bút cảm ứng để vào khu vực ổ nhớ tương ứng.
- Biểu tượng:**

Mục	Mô tả
 Exit	Click to exit./ <b>Nhấp để thoát</b>
 Sort	Click to sort file./ <b>Nhấp để sắp xếp tập tin</b>
 Thumbnail	Click to display file by thumbnail mode./ <b>Nhấp vào để hiển thị tập tin ở chế độ thu nhỏ</b>
 List	Click to display file by list mode./ <b>Nhấp để hiển thị tập tin ở chế độ danh sách</b>
 Select	Click to select file./ <b>Nhấp để lựa chọn tập tin</b>
 Add folder	Click to add folder./ <b>Nhấp để thêm thư mục</b>
 Copy	Click to copy file./ <b>Nhấp để copy tập tin</b>
 Paste	Click to paste file./ <b>Nhấp để dán tập tin</b>
 Cut	Click to cut file./ <b>Nhấp để cắt tập tin</b>
 Delete	Click to delete file./ <b>Nhấp để xóa tập tin</b>
 Rename	Click to rename file./ <b>Nhấp để sửa tên tập tin</b>
 More	Click to show more functions./ <b>Nhấp để hiển thị thêm chức năng</b>

### 3. Danh sách loại tập tin

**All:** Tất cả các loại

**Doc:** Các file OFFICE

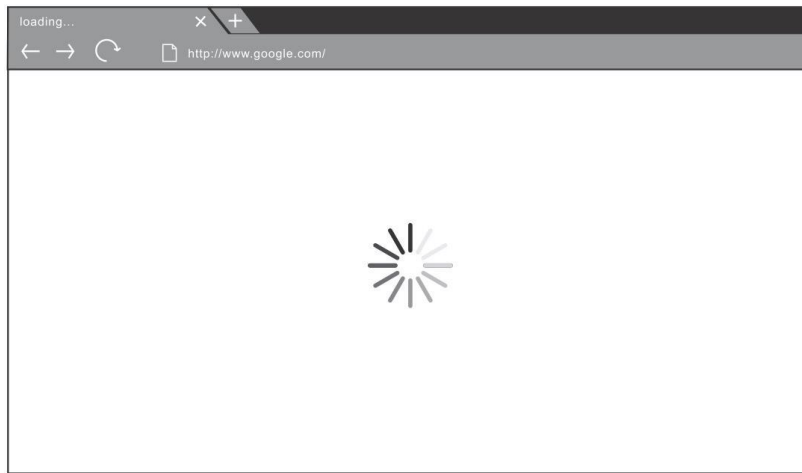
**Note:** Ảnh được lưu trữ bởi ViewBoard Lite và ảnh được lưu trữ bởi màn hình chú thích.

**Picture:** Các loại file ảnh

**Media:** Các dạng file Audio và Video

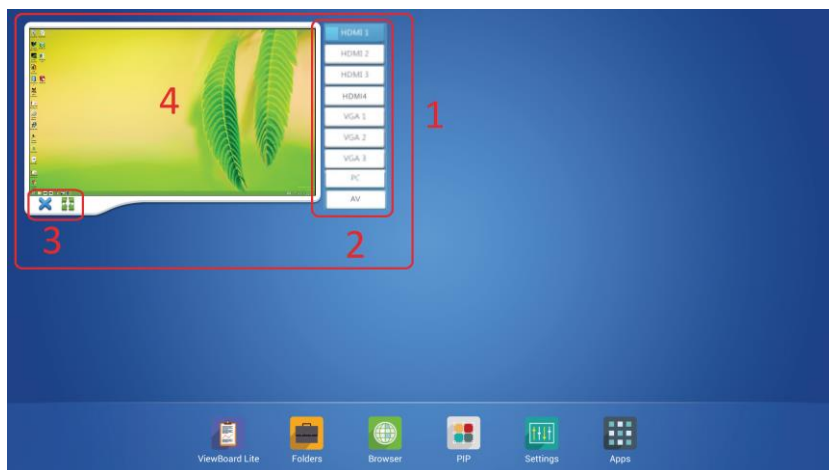
- Thông tin tập tin:** Để xem trước ảnh, hiển thị tên, kích cỡ, độ phân giải của ảnh và ngày tạo.
- Vùng hiển thị chính:** Hiển thị các tập tin của loại tương ứng

### Browser/Duyệt web




Nhập trình duyệt web để lướt internet

## PIP

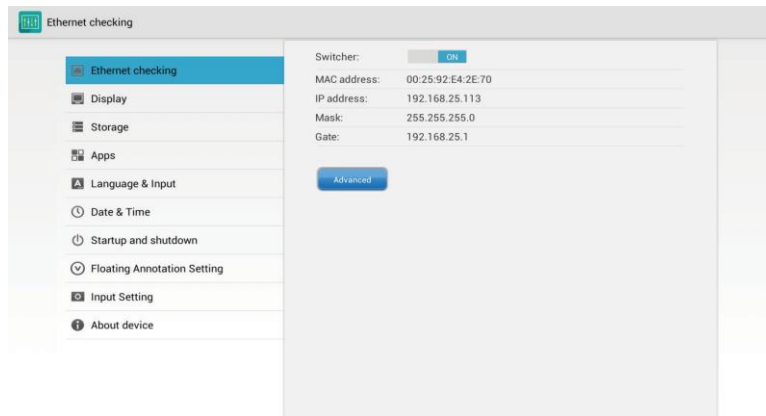


Nhấp vào Picture-in-Picture (PIP) hiển thị giao diện điểm “4” với bút cảm ứng trực tiếp, để bật lên danh sách lựa chọn “2”, để lựa chọn đầu vào bạn muốn hiển thị. Giao diện Picture-in-Picture hoạt động như hình “3” ở trên.

 : Nhấp vào picture-in-picture cho màn hình đầy đủ.

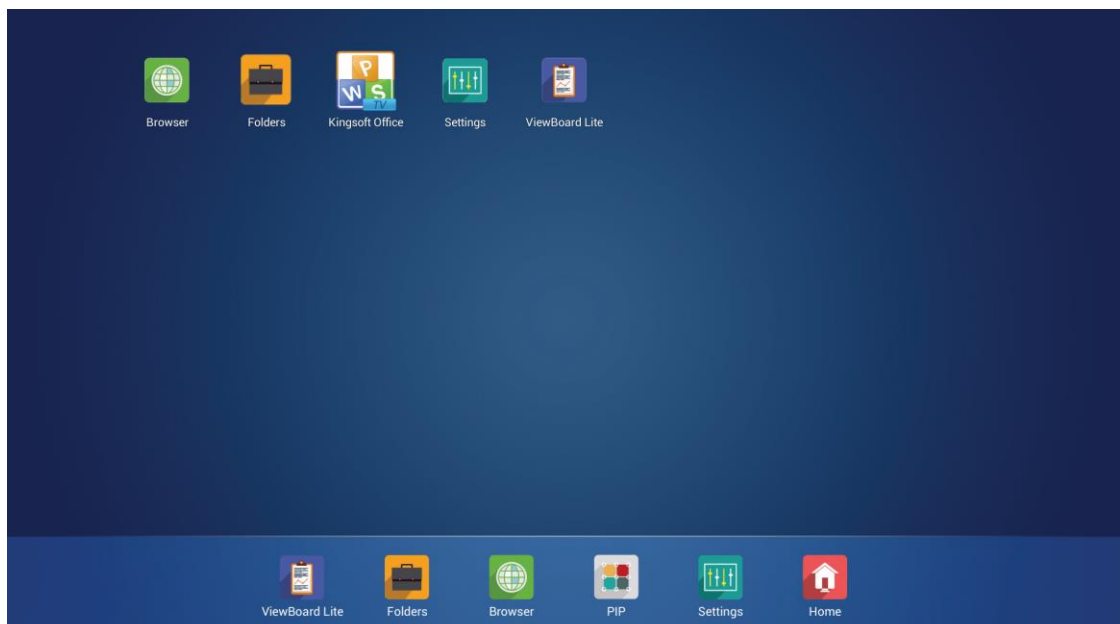
 : Nhấp vào đây để thoát giao diện picture-in-picture.

## Cài đặt



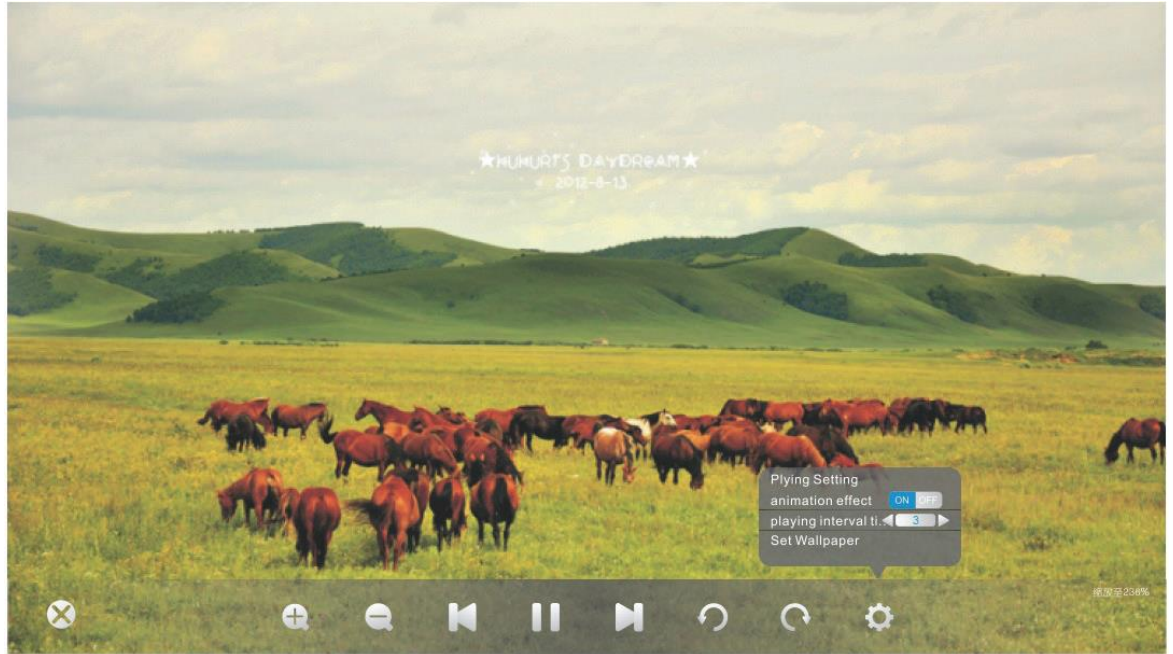
- **Network access:** Kiểm tra trạng thái kết nối mạng hiện tại và các thông số mạng của thiết bị.
- **Sound:** Lựa chọn chế độ âm thanh và điều chỉnh cân bằng
- **Display:** Điều chỉnh hình nền hệ thống và kích cỡ font chữ hệ thống.
- **Storage:** Kiểm tra kích thước ổ nhớ nội bộ.
- **Apps:** Hiển thị tất cả thông tin ứng dụng trong Embd Player.
- **Language & Input:** Điều chỉnh ngôn ngữ và phương pháp nhập.
- **Date & Time:** Cài đặt thời gian và định dạng.
- **Startup and shutdown:** Thiết lập các kênh khởi động, xây dựng trong tùy chọn khởi động máy tính, thời gian chờ sau khi khởi động và bật/tắt.
- **Floating Annotation Setting:** Kích hoạt/Bỏ kích hoạt chức năng Annotation.
- **Input Setting:** Để kích hoạt/ Bỏ kích hoạt và chỉnh sửa bí danh đầu vào.
- **About device:** Hiển thị thông tin phiên bản phần mềm Embd Player

## Apps



- **Settings/Cài đặt**
- **Browser/Duyệt web**
- **Folders/Thư mục**
- **ViewBoard Lite/Phần mềm ViewBoard**
- **Kingsoft Office/Phần mềm Kingsoft Office**

#### 4.5. Giao diện chạy tập tin đa phương tiện



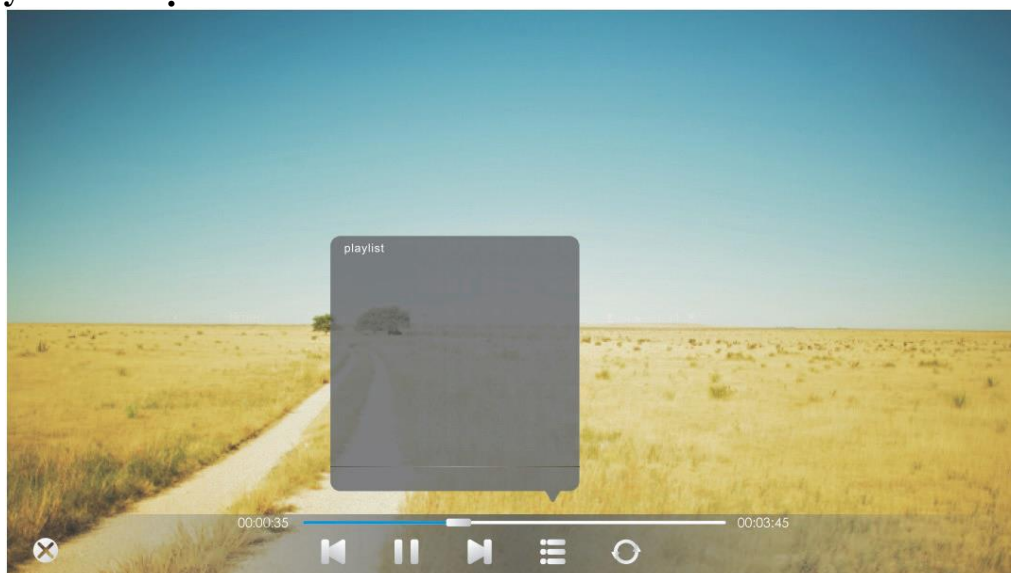
Mục	Mô tả
	Close the player/ <b>Đóng ứng dụng đang chạy</b>
	Zoom in/ <b>Phóng to</b>
	Zoom out/ <b>Thu nhỏ</b>
	Previous file/ <b>Tập tin trước</b>
	Play/pause/ <b>Chạy/dừng</b>
	Next file/ <b>Tập tin kế tiếp</b>
	Counterclockwise rotate the picture/ <b>Xoay ngược chiều hình ảnh</b>
	Clockwise rotate the picture/ <b>Xoay xuôi chiều hình ảnh</b>
	Player setting/ <b>Cài đặt công cụ chơi nhạc</b>

Media Codec Spec/

Định dạng	Ảnh	Độ phân giải	Yêu cầu dung lượng	Ghi chú
JPEG	Base-line	5000x500	3.96 MB	Depends on RAM size
	Progressiv	1024x76	6.00 MB	-
	MPO	5000x500	3.96 MB	Support disparity mode

PNG	non-	5000x500	3.66 MB	-
	interlace	1200x80	3.66 MB	-
BMP	--	5000x500	3.66 MB	-

## Audio play/Chơi nhạc



Mục	Mô tả
	Close the player/Thoát trình chơi nhạc
	Previous file/Về tệp trước
	Play/pause/Chạy hoặc tạm dừng
	Next file/Tới tệp kế tiếp
	Playlist/Danh sách phát
	Loop/Vòng lặp
	Random/Ngẫu nhiên
	Single/Chơi một bài
	Volume/Âm lượng

## Media Codec Spec

Định dạng	Audio Codec	Tốc độ	Ghi chú
.mp3	MPEG1/2 Layer1	32Kbps~448Kbps	16KHz~48 KHz (Sampling rate)
	MPEG1/2 Layer2	8Kbps~384Kbps	
	MPEG1/2 Layer3	8Kbps~320Kbps	
.M4A/ACC	ACC,HEAAC	Free Format, 8KHz~48 KHz (Sampling rate)	WMA7,WMA8, WMA9 Standard
.WMA/ASF	WMA	128Kbps~320Kbps, 8 KHz~48 KHz (Sampling rate)	
OGG	OGG	~48KHz (Sampling rate)	

## Video play/ Chơi video



Mục	Mô tả
	Close the player/ Thoát trình chơi video
	Previous file/ Về tệp trước
	Fast backward/Tua nhanh trở lại
	Play/pause/Chạy/tạm dừng
	Fast forward/Tua nhanh
	Next file/Tới video kế tiếp
	Playlist/Danh sách phát
	Volume/Âm lượng

### Media Codec Spec

File Ext.	Container	Video Codec	SPEC	Bit Rate	Profile
.mpg .mpeg	MPG MPEG	MPEG1 MPEG 2	1080P@60fps 1080Px2@30fps	50Mbps	Main Profile
.ts .trp .tp	TS	MPEG-2 H.264 VC1 AVS	<b>H.264:</b> 1080P@50fp 1080Px2@25fps (1080Px2@30fps/ 1080P@60fps @DDR3 1.66G)  <b>AVS:</b> 1080P@30fps  <b>Others:</b> 1080P@60fps 1080Px2@30fps	<b>AVS:</b> 40Mbps  <b>Other:</b> 50Mbps	<b>H264:</b> Main Profile High Profile@Level 4.1  <b>MPEG2:</b> MP@HL  <b>AVS:</b> Jizhun profile@Level 6.0
.vob	MPEG2-PS	MPEG2	1080P@60fps 1080Px2@30fps	50Mbps	MPEG2:MP@HL

.mp4 .mov	MP4	MPEG1 MPEG 2 MPEG 4 H.264 Motion JPEG	<b>H.264:</b> 1080P@50fps 1080Px2@25fps (1080Px2@30fps/ 1080P@60fps @DDR3 1.66G)  <b>Motion JPEG:</b> 640x480@30fps Others: 1080P@60fps 1080Px2@30fps	<b>Motion JPEG:</b> 10Mbps  <b>Other:</b> 50Mbps	<b>H264:</b> Main Profile High Profile@Level 4.1  <b>MPEG2:</b> MP@HL  <b>MPEG4:</b> Simple Profile Advanced Simple Profile@Level 5  <b>VC1:</b> Advanced Profile@Level 3 Simple Profile Main Profile
.rm .rmvb	RMVB RM	Rv30 rv40	1080P@30fps	40Mbps	RV8 RV9 RV10
.mkv	MKV	MPEG1 MPEG 2 MPEG 4 H.264, VC1 WMV3 Motion JPEG	<b>H.264:</b> 1080P@50fps 1080Px2@25fps (1080Px2@30fps/ 1080P@60fps @DDR3 1.66G)  <b>Motion JPEG:</b> 640x480@30fps  <b>Others:</b> 1080P@60fps 1080Px2@30fps	<b>Motion JPEG:</b> 10Mbps  <b>Other:</b> 50Mbps	<b>H264:</b> Main Profile High Profile@Level 4.1  <b>MPEG2:</b> MP@HL  <b>MPEG4:</b> Simple Profile Advanced Simple Profile@Level 5  <b>VC1:</b> Advanced Profile@ Level 3 Simple Profile Main Profile
.WebM	WebM	VP8	1080P@30fps	20Mbps	--
.avi	AVI	MPEG1 MPEG 2 MPEG 4 H.264 VC1 WMV3 Motion JPEG	<b>H.264:</b> 1080P@50fps 1080Px2@25fps (1080Px2@30fps/ 1080P@60fps @DDR3 1.66G)  <b>Motion JPEG:</b> 640x480@30fps  <b>Others:</b> 1080P@60fps 1080Px2@30fps	<b>Motion JPEG:</b> 10Mbps  <b>Other:</b> 50Mbps	<b>H264:</b> Main Profile High Profile@Level 4.1  <b>MPEG2:</b> MP@HL  <b>MPEG4:</b> Simple Profile Advanced Simple Profile@Level 5  <b>VC1:</b> Advanced Profile@Level 3 Simple Profile Main Profile

.asf .wmv	ASF	MPEG2 MPEG 4 H.264 WMV3	<b>H.264:</b> 1080P@50fps 1080Px2@25fps (1080Px2@30fps/ 1080P@60fps @DDR3 1.66G)  <b>Others:</b> 1080P@60fps 1080Px2@30fps	50Mbps	<b>H264:</b> Main Profile High Profile@Level 4.1  <b>MPEG2:</b> MP@HL MPEG4: Simple Profile Advanced Simple Profile@Level 5
.flv	FLV		<b>H.264:</b> 1080P@50fps 1080Px2@25fps (1080Px2@30fps/ 1080P@60fps @DDR3 1.66G)  <b>Others:</b> 1080P@60fps 1080Px2@30fps	50Mbps	<b>H264:</b> Main Profile High Profile@Level 4.1

## 5. Xử lý sự cố

Điều khiển từ xa không sử dụng được	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kiểm tra xem có gì đó đang cản trở tiếp nhận điều khiển từ xa của màn hình</li> <li>2. Kiểm tra xem pin của điều khiển từ xa đã được lắp đặt đúng hay chưa</li> <li>3. Kiểm tra xem pin đã cần phải thay thế chưa.</li> </ol>
Sự cố bất ngờ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kiểm tra chế độ sleep có được kích hoạt.</li> <li>2. Kiểm tra xem có bị cắt điện trong khu vực của bạn.</li> <li>3. Bật màn hình và xem có thể có vấn đề với tín hiệu và hệ thống điều khiển.</li> </ol>

### PC mode/Chế độ máy tính

Không có tín hiệu PC	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kiểm tra các cài đặt hiển thị</li> <li>2. Kiểm tra độ phân giải màn hình.</li> <li>3. Điều chỉnh các thiết lập Hs &amp; Vs (đồng bộ hóa) bằng cách sử dụng trình đơn OSD.</li> </ol>
Vệt nền	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chọn tự động điều chỉnh.</li> <li>2. Điều chỉnh đồng hồ và đồng bộ.</li> </ol>
Lỗi màu	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kiểm tra kết nối VGA.</li> <li>2. Điều chỉnh màu sắc, độ sáng và độ tương phản.</li> </ol>
Định dạng không hỗ trợ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chọn tự động điều chỉnh.</li> <li>2. Điều chỉnh đồng hồ và cài đặt đồng bộ</li> </ol>

## Chức năng cảm ứng

Chức năng cảm ứng không làm việc	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Kiểm tra drivers đã được cài đặt đúng chưa</li><li>2. Cài đặt lại driver</li><li>3. Kiểm tra cài đặt và căn chỉnh nó</li><li>4. Kiểm tra bút cảm ứng đã làm việc đúng chưa</li></ol>
----------------------------------	---

## Video không làm việc đúng cách

Không có hình ảnh / không có âm thanh	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Kiểm tra trạng thái nguồn điện.</li><li>2. Kiểm tra cáp tín hiệu</li><li>3. Kiểm tra rằng máy tính nội bộ đã được lắp đặt đúng</li></ol>
Rung hình	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Kiểm tra cáp tín hiệu</li><li>2. Kiểm tra có thiết bị điện tử khác đang làm gián đoạn tín hiệu</li></ol>
Hình ảnh thiếu sống động	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Điều chỉnh màu sắc, độ sáng và độ tương phản trong menu</li><li>2. Kiểm tra tín hiệu cáp</li></ol>

## Audio not working properly/Âm thanh không làm việc đúng cách

Không có âm thanh	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Ấn nút Mute/ Unmute</li><li>2. Điều chỉnh volume</li><li>3. Kiểm tra cáp audio</li></ol>
Chỉ có một loa	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Điều chỉnh độ cân bằng âm thanh trong menu.</li><li>2. Kiểm tra các cài đặt âm thanh trên bảng điều khiển của máy vi tính.</li><li>3. Kiểm tra cáp audio</li></ol>
Không có âm thanh từ đầu ra VGA (VGA-OUT)	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Kiểm tra cáp audio đã được kết nối đúng cách</li></ol>

## 6. Chăm sóc và bảo dưỡng

Hãy làm theo những hướng dẫn vệ sinh để đảm bảo rằng bảng tương tác thông minh của bạn trông như mới trong những năm tới:

- Không được vệ sinh máy nếu nó được bật trong một thời gian dài.
- Rút phích cắm từ ổ cắm trên tường trước khi làm sạch hoặc đánh bóng nó.
- Không sử dụng chất tẩy rửa lỏng hay bình phun tẩy rửa trên màn hình.
- Chỉ sử dụng một miếng vải mỏng thấm ẩm khi vệ sinh bên ngoài của các bộ phận.
- Không sử dụng hệ thống liên tục trong thời gian dài.
- Nhớ rằng phải rút phích cắm màn hình khi nó không được sử dụng.
- Sử dụng một thiết bị bảo vệ xung điện để ngăn ngừa các lỗi hệ thống và xung điện cung cấp.
- Hãy chắc chắn rằng màn hình luôn khô. Hãy cẩn thận khi vận chuyển những chất lỏng gần đó.

**Chú ý: Nếu xuất hiện điểm ngưng tụ giữa tấm kính và bảng (panel), hãy giữ cho màn hình được bật cho đến khi hơi ẩm biến mất.**

## **7. Các chế độ hiển thị**

### **7.1. Chế độ VGA**

640x480	@60Hz/72Hz/75Hz
720x400	@70Hz
800x600	@56Hz/60Hz/72Hz/75Hz
832x624	@75Hz
1024x768	@60Hz/70Hz/75Hz
1152x864	@60Hz/75Hz
1152x870	@75Hz
640x480	@60Hz/75Hz
1280x960	@60Hz
1280x1024	@60Hz/75Hz
1360x768	@60Hz
1366x768	@60Hz
1440x900	@60Hz/75Hz
1400x1050	@60Hz/75Hz
1600x1200	@60Hz
1680x1050	@60Hz
1920x1080	@60Hz
1920x1200	@60Hz

### **7.2. Chế độ HDMI**

## **8. Thông số kỹ thuật**

Model		CDE5561T SWB5561B	CDE6561T SWB6561B	CDE7061T SWB7061B	CDE8452T SWB8452B
<b>LCD</b>	<b>Cỡ màn hình</b>	54.6"	64.5"	70"	84"
<b>Input Signal/Cổng tín hiệu vào</b>		3 x HDMI 3 x VGA 3 x PC audio 1x CVBS			4 x HDMI 3 x VGA 3 x PC audio 1x CVBS
<b>Output Signal/Cổng tín hiệu ra</b>		1 x VGA 1 x Earphone			
<b>Speaker Output/ Cổng ra âm thanh</b>		10W x 2			
<b>RS232</b>		RS232 communication			
<b>Power/Nguồn điện</b>	<b>Voltage/Điện áp</b>	100V-240V AC 50/60HZ			

<b>Operation Conditions/Điều kiện vận hành</b>	<b>Nhiệt độ Độ ẩm Độ cao</b>	32°F to 104°F (0°C to 40°C) 20% ~ 80% non-condensing ≦2000M			
<b>Điều kiện lưu kho</b>	<b>Nhiệt độ Độ ẩm Độ cao</b>	-4°F to 140°F (-20°C to 60°C) 10% ~ 90% non-condensing ≦2000M			
<b>Kích thước</b>	<b>Vật lý (mm)</b>	1304 x 800 x 97	1523 x 924 x 98	1665 x 1012 x 98	1978 x 1187 x 95
<b>Khối lượng</b>	<b>Vật lý(kg)</b>	32.5 kg	45.5 kg	55 kg	107 kg
<b>Tiêu thụ điện năng</b>	<b>Bật Tắt</b>	162W <0.5W	211W <0.5W	222W <0.5W	550W <0.5W